

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 5 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hải Quân.

Bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Dinh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nông Gia K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Định Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2018, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nông Gia K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Định Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, chị Địch Thị T đi làm công nhân tại Công ty S ở khu Công nghiệp Y, tỉnh Bắc Ninh, chị Địch Thị T đã đi ngoại tình ở bên ngoài, không chung thủy vợ chồng bị anh phát hiện. Từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi khi chị Địch Thị T được nghỉ thì chị không về nhà chung sống với anh mà chỉ về bên ngoại ở. Anh chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2015, anh xác định nếu tiếp tục cuộc hôn nhân này cũng không có hạnh phúc. Vì anh không thể chấp nhận một người vợ như vậy. Thời gian ly thân đã lâu anh không còn tình cảm với chị Địch Thị T và yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh Nông Gia K, chị Địch Thị T có 01 con chung là cháu Nông Gia Đức N, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2013, hiện đang ở với anh Nông Gia K. Anh Nông Gia K yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Gia Đức N đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Địch Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nông Gia K xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H và tại gia đình chị Địch Thị T, bà Nguyễn Đình T là mẹ đẻ của chị Địch Thị T, cư trú tại xã T, huyện H. Chính quyền xã T, bà Nguyễn Đình T đều khẳng định đã thông báo, giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Địch Thị T. Chị Địch Thị T có biết việc Tòa án đã gửi, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập chị đến Tòa án tham gia tố tụng. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T và thôn L, xã T, huyện H theo đúng quy định. Tuy nhiên chị Địch Thị T cố tình không đến, không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Do bị đơn Địch Thị T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng nên không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; về nội dung vụ án: Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu chị Địch Thị T cấp dưỡng nuôi con của anh Nông Gia K là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Địch Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, không có lý do. Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt chị Địch Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Nông Gia K và chị Địch Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh chị không còn thương yêu, tôn trọng nhau, thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nông Gia K yêu cầu ly hôn chị Địch Thị T là có căn cứ quy định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Địch Thị T không tham gia vào quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Nông Gia Đức N, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2013 thực tế đang ở với anh Nông Gia K, được anh Nông Gia K trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển cả thể chất và tinh thần, anh Nông Gia K yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Gia Đức N cho đến khi trưởng thành là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Gia K không yêu cầu chị Địch Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nông Gia K xác định không có tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nông Gia K phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Gia K ly hôn với chị Địch Thị T.
2. Về con chung: Giao anh Nông Gia K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Gia Đức N, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2013 cho đến khi trưởng thành. Chị Địch Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nông Gia K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận anh Nông Gia K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0000907, ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- UBND xã T, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền